

[illegible]

[illegible]

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
1.3	Giá trị sản xuất	Tỷ đồng										
	- Giá trị sản xuất công nghiệp (giá SS 2010)	Tỷ đồng										
	- Giá trị sản xuất công nghiệp (giá hiện hành)	Tỷ đồng										
1.4	Khối lượng hàng hóa vận chuyển	Ngàn tấn										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
	trên địa bàn											
	- Thu thuế và phí	Tỷ đồng										
	- Thu biện pháp tài chính	Tỷ đồng										
	- Thuế xuất - nhập khẩu	Tỷ đồng										

[illegible]

[illegible]

[illegible]

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
	Tổng diện tích thực hiện vụ Hè Thu	Ha										
5.3	Số vụ vi phạm lâm luật	Vụ										
5.4	Số con gia cầm mắc dịch bệnh	Con										
	Số con gia súc mắc dịch bệnh	Con										
5.5	Sản lượng cá bột	Triệu										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
	Số lồng cá nước lạnh/tổng đàn cá nước lạnh	lồng/ngàn con										
6	ĐÀI KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN TỈNH ĐẮK LẮK											
	Dự báo về thời tiết nguy hiểm, khí tượng, thủy văn:											

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
	- Gạch nung quy chuẩn	10 ⁶ Viên										
	- Khai thác Fenspat	1.000 Tấn										
	- Bê tông và các sản phẩm từ bê tông	m ³										
	- Bia các loại	1.000										

[illegible]

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
8.2	Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ	Tỷ đồng										
8.3	Tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn	Triệu USD										
	Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu											
	- Cà phê	Tấn										

[illegible]

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
9.2	Cấp Giấy phép xây dựng công trình	Công trình										
9.3	Cấp Giấy phép quy hoạch xây dựng công trình	Công trình										
9.4	Kiểm tra trật tự xây dựng	Công trình										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
	- Tỉnh lộ	Triệu đồng										
10.2	Tổ chức kiểm định lượt phương tiện	Phương tiện										
	Thẩm định thiết kế cải tạo	Hồ sơ										
10.3	Cấp mới Giấy phép lái xe	Giấy phép										
	Cấp đổi Giấy phép lái	Giấy										

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
	định											
	Tình hình giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu	Hồ sơ										
	Trong đó:											
	+ Tuân thủ các quy định về đấu thầu	Hồ sơ										
	+ Không tuân thủ các quy định về đấu thầu	Hồ sơ										

[illegible]

[illegible]

[illegible]

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
	bệnh dịch											
13.10	Số người chết do AIDS mới phát hiện	Người										
13.11	Số vụ/ số người mắc/số người chết do ngộ độc thực phẩm	Vụ/người										
14	BẢO HIỂM XÃ HỘI TỈNH											

[illegible]

[illegible]

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
	Giải quyết chế độ cho người có công, thân nhân người có công và các đối tượng khác	Người										
15.3	Lĩnh vực xã hội											
	- Chăm sóc và nuôi dưỡng tại Trung tâm Chăm sóc và Phục hồi	Người										

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
18.6	Kiểm tra phòng, chống in lậu	Cơ sở										
18.7	Tổng số tiền xử phạt	Triệu đồng										
19	SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH											
19.1	Tổng số lượt khách du lịch, trong đó:	1.000 lượt										

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
20.2	Số phương tiện đo được kiểm định	Phương tiện										
21	BAN DÂN TỘC											
	Tình hình thực hiện các chương trình, CS dân tộc:											
21.1	Chương trình 135 theo Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày											

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
21.3	Chính sách theo Quyết định số 59/QĐ-TTg của TTCP (số lượng cung cấp các loại ấn phẩm, tạp chí,...)											

[illegible]

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
	- Cấp huyện	%										
	- Cấp xã	%										
23	BỘ CHỈ HUY BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG											
23.1	Số vụ vi phạm quy chế biên giới	Vụ										
23.2	Số vụ vi phạm trật tự an toàn xã hội các xã biên	Vụ										

[illegible]

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
	tự quản lý kinh tế	/vụ										
24.3	Số đối tượng, số vụ vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường	Đối tượng /vụ										
24.4	Số đối tượng, số vụ phạm tội về ma túy	Đối tượng /vụ										

[illegible]

[illegible]

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
25.6	Số tiền xử phạt PCCC	Tr. đồng										
26	SỞ TƯ PHÁP											
26.1	Số Dự thảo văn bản Quy phạm pháp luật (QPPL) được góp ý, thẩm định	Văn bản										
26.2	Số văn bản QPPL được kiểm tra	Văn bản										

[illegible]

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
	Thu phí công chứng	Triệu đồng										
	Số lượng chứng thực	Trường hợp										
	Thu phí chứng thực	Tr. đồng										
	Số cuộc bán đấu giá tài sản	Cuộc										

[illegible]

[illegible]

[illegible]

STT	Cơ quan báo cáo/Nội dung/Chỉ tiêu báo cáo	ĐVT	Kế hoạch năm	Kết quả thực hiện tháng trước	Kết quả thực hiện tháng báo cáo (ước tổng hợp từ đầu tháng đến hết tháng)	Lũy kế thực hiện từ đầu năm đến tháng báo cáo	Lũy kế kết quả thực hiện đến tháng báo cáo cùng kỳ năm trước	So sánh (%)				Ghi chú **
								Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với kế hoạch năm	Lũy kế đến hết tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Lũy kế thực hiện tháng báo cáo so với lũy kế thực hiện đến tháng trước tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo so với tháng trước	
29.1	Số đoàn vào và chuyên gia nước ngoài đến tỉnh	Đoàn/người										
29.2	Số đoàn ra và công chức, viên chức tỉnh đi nước ngoài	Đoàn/người										

* Nêu số kế hoạch đối với các chỉ tiêu được giao theo Nghị quyết của HĐND tỉnh và Quyết định giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước của UBND tỉnh và Sở Kế hoạch và Đầu tư.

** Giải trình nguyên nhân, lý do dẫn đến sự tăng, giảm đột biến so với kế hoạch và so với cùng kỳ báo cáo trước.

Phụ lục III**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN LÝ TIÊU CHUẨN, QUY CHUẨN KỸ THUẬT,
NHÃN HÀNG HÓA, ĐO LƯỜNG VÀ CHẤT LƯỢNG
SẢN PHẨM, HÀNG HÓA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

*(Kèm theo Quyết định số 24/2020/QĐ-UBND ngày 10/7/2020
của UBND tỉnh Đắk Lắk)*

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO**I. Kết quả thực hiện**

1. Công tác tham mưu, ban hành văn bản
2. Kết quả về công tác thông tin tuyên truyền
3. Kết quả hướng dẫn xây dựng tiêu chuẩn cơ sở (TCCS)
4. Kết quả về tiếp nhận và thông báo tiếp nhận công bố hợp quy
5. Kết quả về tiếp nhận và thông báo tiếp nhận công bố hợp chuẩn
6. Kết quả về tiếp nhận Công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm
7. Kết quả về thanh tra, kiểm tra:
8. Kết quả thử nghiệm về chất lượng sản phẩm, hàng hóa
9. Tình hình quản lý nhà nước về đo lường
 - 9.1 Tình hình kiểm định phương tiện đo (PTĐ) của các tổ chức trên địa bàn tỉnh
 - 9.2. Tình hình quản lý kiểm định viên trên địa bàn tỉnh
 - 9.3. Tình hình quản lý chuẩn đo lường, phương tiện hiệu chuẩn, kiểm định phương tiện đo trên địa bàn tỉnh
 - 9.4. Tình hình sử dụng tem, dấu và giấy chứng nhận kiểm định của các tổ chức trên địa bàn tỉnh
10. Kết quả thanh tra, kiểm tra nhà nước về đo lường

II. Đánh giá, nhận xét, kiến nghị

1. Thuận lợi
2. Khó khăn
3. Kiến nghị.

VĂN PHÒNG UBND TỈNH ĐẮK LẮK XUẤT BẢN

Địa chỉ : Số 09 Lê Duẩn - TP. Buôn Ma Thuột - tỉnh Đắk Lắk

Điện thoại : 080.50557 - 080.50584

Fax : 080.50554

E-mail: congbao@daklak.gov.vn

Website: <http://congbao.daklak.gov.vn>

In tại:

Giá: đồng